

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 - LẠNG SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2026/HNGĐ-ST

Ngày 30-01-2026

V/v *Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thúy Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Mai Xuân Tú và ông Trần Đức Cường.

- Thư ký phiên toà: Bà Vy Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5
- Lạng Sơn.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Lạng Sơn tham gia phiên
toà:** Ông Nông Quang Thịnh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 133/2025/TLST-HNGĐ, ngày 18 tháng 12 năm 2025 về việc *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2026/QĐXXST-HNGĐ, ngày 12 tháng 01 năm 2026; Quyết định hoãn phiên toà số: 02/2026/QĐST-HNGĐ, ngày 28 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Triệu Thị T, sinh năm 1985; số CCCD: 020185002924, cấp ngày 23/4/2021, nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; nơi cư trú: Thôn Q, xã Đ, tỉnh Lạng Sơn. Địa chỉ liên hệ: Thôn N, xã L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Đặng Phúc L, sinh năm 1982. Số CCCD: 020082002684, cấp ngày 23/4/2021, nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; nơi cư trú: Thôn Q, xã Đ, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

Người làm chứng: Bà Đặng Thị M; nơi cư trú: Thôn N, xã L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 04/11/2025, bản khai, ý kiến tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, nguyên đơn chị Triệu Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Vợ chồng chị tự nguyện đến với nhau từ năm 2003 do gia đình mai mối, được hai gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương, khi sinh con thứ 2 xong vợ chồng chị mới đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban

nhân dân (viết tắt là UBND) xã B, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn ngày 25/9/2006 (nay là UBND xã Đ, tỉnh Lạng Sơn). Sau kết hôn vợ chồng chị chung sống bình thường, từ năm 2011 trở về đây vợ chồng chị đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Đặng Phúc L hay đi đánh bạc, làm ăn nhưng không đưa tiền về để hỗ trợ, giúp đỡ vợ con, khi anh Đặng Phúc L đánh bạc về nhà chị có nói chuyện, khuyên giải cho anh hiểu, anh có hứa nhưng anh không từ bỏ được việc cờ bạc, thời gian đầu chị đã cố gắng bỏ qua cho anh vì các con còn nhỏ, nhưng rất nhiều lần anh không thay đổi, về đến nhà còn đuổi, đánh đập chị, không cho chị sống cùng nhà, đuổi chị ra khỏi nhà, chị nấu rau thì anh còn lấy nước rửa bát đổ vào chảo rau. Tháng 02/2025 chị đi phụ nhà đám hộ nấu ăn trong xóm, anh Đặng Phúc L uống rượu say nằm ngay cạnh đường, chị có hỏi anh nhưng anh không trả lời, chị về nhà gọi điện thoại cho con trai đi ra đón bố, anh Đặng Phúc L có chạy theo chị về đến nhà, khi này chị sợ anh đánh chị đã bỏ chạy lên đồi, anh đã đuổi chị nhưng không kịp để đánh thì quay lại lật đổ xe máy của chị, đập phá đồ đạc, điện thoại của chị anh mang đi ngâm nước. Chị sợ không dám về nhà mà ngủ nhà chú L1 (là họ hàng bên chồng chị), đến hôm sau chị đã về nhà ngoại sống từ đó đến nay, do anh Đặng Phúc L thường xuyên đe dọa chị, chị lo sợ, không thể chịu đựng được, vợ chồng chị đã sống ly thân từ tháng 02/2025 cho đến nay, từ khi ly thân cả hai không còn quan tâm, chăm sóc đến nhau. Mâu thuẫn vợ chồng hai bên gia đình nội ngoại có biết, có khuyên giải nhưng không được. Đến nay, chị xác định vợ chồng không còn tình cảm chị yêu cầu Toà án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng chị có 04 con chung là Đặng Thị K, sinh năm 2004, Đặng Quý P, sinh năm 2005, Đặng Quý T1, sinh năm 2007 (cả 3 con đã trưởng thành, chị không yêu cầu Toà án giải quyết), con thứ 4 là Đặng Quý T2, sinh ngày 09/5/2011. Khi ly hôn chị yêu cầu được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Đặng Quý T2 cho đến khi con đủ 18 tuổi, chị không yêu cầu anh Đặng Phúc L phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện tại chị về bên ngoại sinh sống, có đi làm nông nghiệp, có thu nhập, đủ điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục con chung đến trưởng thành. Ngoài ra khi chị đi làm, ở nhà còn có bà ngoại, có sức khỏe, có nhà cửa ổn định, đảm bảo điều kiện hỗ trợ cùng chị chăm sóc con trai út của chị đến trưởng thành.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết. Về nợ chung: Không có. Do bận công việc, chị Triệu Thị T có đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt.

Quá trình Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án, bị đơn anh Đặng Phúc L đều vắng mặt theo Giấy triệu tập của Tòa án.

Tại Bản tự khai của cháu Đặng Quý T2 trình bày: Nếu bố mẹ ly hôn con muốn được sống cùng mẹ là Triệu Thị T.

Tại Biên bản lấy lời khai người làm chứng ngày 24/12/2025, bà Đặng Thị M (mẹ hai của chị Triệu Thị T) trình bày: Bà là mẹ hai của Triệu Thị T và là mẹ vợ của Đặng Phúc L. Bản thân bà không có mâu thuẫn gì với vợ chồng Triệu Thị T và Đặng Phúc L.

Về quan hệ hôn nhân: Bà nắm được hai con kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn (nay là UBND xã Đ, tỉnh Lạng Sơn). Quá trình chung sống thời gian đầu bình thường, từ năm 2021 đến nay vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Đặng Phúc L hay đi đánh bài, đi làm không thu vén gia đình, không mang tiền về phụ giúp vợ con, vợ chồng sống mà không có tiếng nói chung dẫn đến cãi nhau, thậm trí còn đánh nhau, chị Triệu Thị T không chịu đựng được đã về nhà ngoại sống được gần 02 năm nay. Vợ chồng mâu thuẫn bà cũng đã khuyên giải nhiều nhưng đến nay bà thấy vợ chồng khó có thể hàn gắn, đoàn tụ được, nhưng việc ly hôn hay đoàn tụ là do hai con quyết định.

Về con chung: Anh chị có 4 con chung (03 con đã trưởng thành), còn con út, nếu ly hôn, Triệu Thị T nuôi con bà sẽ hỗ trợ giúp đỡ Triệu Thị T trong việc chăm sóc con út đến trưởng thành. Hai mẹ con sẽ sống cùng nhà với bà và vợ chồng em trai của Triệu Thị T. Hiện tại Triệu Thị T làm tự do, có thu nhập, đủ điều kiện để nuôi con út trưởng thành. Về tài sản chung và nợ chung: Do vợ chồng xem xét quyết định, bà không nắm được thông tin gì. Do hiện nay tuổi cao, sức khỏe không đảm bảo, bà từ chối tham gia tố tụng, đề nghị Toà án xem xét giải quyết vắng mặt bà.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Lạng Sơn:

Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa nguyên đơn chị Triệu Thị T vắng mặt nhưng đã có lời khai và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Đặng Phúc L đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Người làm chứng bà Đặng Thị M đã có lời khai, có ý kiến từ chối tham gia tố tụng. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định tại Điều 227, Điều 228, Điều 229, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Chị Triệu Thị T và anh Đặng Phúc L kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn ngày 25/9/2006 (nay là UBND xã Đ, tỉnh Lạng Sơn). Do đó, hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Vợ chồng anh chị chung sống một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do không cùng quan điểm sống, đến năm 2021 vợ chồng đã sống ly thân đến nay, trong thời gian ly thân cả hai không ai quan tâm hỏi han đến nhau. Xét thấy cuộc hôn nhân của anh chị đã không còn tình cảm, không có sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho chị Triệu Thị T được ly hôn với anh Đặng Phúc L .

Về con chung: Vợ chồng chị có 04 con chung (3 con đầu đã trưởng thành chị Triệu Thị T không yêu cầu Toà án giải quyết), con thứ 4 là Đặng Quý T2, sinh

ngày 09/5/2011. Chị Triệu Thị T có yêu cầu được chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Anh Đặng Phúc L biết thông tin nhưng không có ý kiến, yêu cầu gì về việc nuôi con chung. Căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị giao con chung là Đặng Quý T2 cho chị Triệu Thị T nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi các con đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con do chị Triệu Thị T không có yêu cầu nên không đề nghị xem xét giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: Không đề nghị xem xét giải quyết. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn chị Triệu Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Triệu Thị T vắng mặt tại phiên tòa, hồ sơ thể hiện đã có lời khai, có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Đặng Phúc L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Người làm chứng bà Đặng Thị M đã có lời khai, có ý kiến từ chối tham gia tố tụng. Căn cứ các Điều 227, Điều 228, Điều 229, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự nêu trên.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn, tranh chấp nuôi con vì vậy quan hệ pháp luật là "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*". Bị đơn anh Đặng Phúc L, cư trú tại: Thôn Q, xã Đ, tỉnh Lạng Sơn. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân khu vực 5 - Lạng Sơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Triệu Thị T và anh Đặng Phúc L tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn ngày 25/9/2006 (nay là UBND xã Đ, tỉnh Lạng Sơn). Như vậy, quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng có mâu thuẫn từ năm 2021 đến nay do bất đồng quan điểm sống, không quan tâm, yêu thương, chăm sóc lẫn nhau. Cả hai đã sống ly thân từ năm 2021 đến nay, từ khi sống ly thân cả hai không còn liên lạc, không quan tâm đến nhau nữa khiến cho tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân của chị Triệu Thị T và anh Đặng Phúc L đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn vợ chồng không còn khả năng hàn gắn. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị Triệu Thị T là có căn cứ được chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị Triệu Thị T và anh Đặng Phúc L có 04 con chung là Đặng Thị K, sinh năm 2004, Đặng Quý P, sinh năm 2005, Đặng Quý T1, sinh ngày 2007 (3 con đầu đã trưởng thành chị Triệu Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết), con thứ 4 là Đặng Quý T2, sinh ngày 09/5/2011, khi ly hôn chị Triệu Thị T yêu cầu được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đặng Quý T2 cho đến khi con đủ 18 tuổi. Xét thấy, từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay, con hiện

tại đang sống cùng với mẹ và bà ngoại, cháu Đặng Quý T2 có nguyện vọng được sống với mẹ, chị Triệu Thị T đi làm có thu nhập, ngoài ra có bà ngoại hỗ trợ cùng chăm sóc cháu khi chị Triệu Thị T đi làm. Để tránh xáo trộn cuộc sống của con, để đảm bảo điều kiện tốt nhất cho sự phát triển toàn diện của trẻ vị thành viên, xét điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng con chung và sự hỗ trợ của bà ngoại, tiếp tục giao con chung là cháu Đặng Quý T2 cho chị Triệu Thị T nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi con đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị Triệu Thị T không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Anh Đặng Phúc L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở anh Đặng Phúc L thực hiện quyền này.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Về tài sản chung chị Triệu Thị T không yêu cầu Toà án giải quyết. Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Nguyên đơn chị Triệu Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) để nộp vào Ngân sách Nhà nước.

[7] Ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 229, Điều 238, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Triệu Thị T được ly hôn với anh Đặng Phúc L. (*Giấy chứng nhận kết hôn số 44, quyển số 01, đăng ký ngày 25/9/2006 tại UBND xã B, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn (nay là UBND xã Đ, tỉnh Lạng Sơn)*).

2. Về con chung: Có 04 con chung là cháu Đặng Thị K, sinh năm 2004, cháu Đặng Quý P, sinh năm 2005, cháu Đặng Quý T1, sinh ngày 2007 (03 con đầu đã trưởng thành, chị Triệu Thị T không yêu cầu Toà án giải quyết), con thứ 4 là cháu Đặng Quý T2, sinh ngày 09/5/2011. Giao con chung là cháu Đặng Quý T2 cho chị Triệu Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi. Chị Triệu Thị T không yêu cầu anh Đặng Phúc L phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Đặng Phúc L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở anh Đặng Phúc L thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Nguyên đơn chị Triệu Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm để nộp vào Ngân sách Nhà nước. Xác nhận chị Triệu Thị T đã nộp đủ số tiền án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001290, ngày 18/12/2025 tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5 - Lạng Sơn.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND khu vực 5 - Lạng Sơn;
- Phòng THADS khu vực 5 - Lạng Sơn;
- UBND xã Đình Lập;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thúy Huyền

